

Số: 885 /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 02 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy chế phối hợp của các cơ quan, đơn vị
trong quá trình thực hiện dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư
và dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư;

Căn cứ Thông tư số 88/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định một số nội dung về quản lý tài chính đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư và chi phí lựa chọn nhà đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 09/2018/TT-BKHĐT ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 657/TT-SKHĐT ngày 26 tháng 4 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp của các cơ quan, đơn vị trong quá trình thực hiện dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư và dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (b/c);
- TTTU, TT.HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, các phòng;
- Lưu: VT. 4c



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Trâm

QUY CHẾ

Phối hợp của các cơ quan, đơn vị trong quá trình thực hiện dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư và dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 885 /QĐ-UBND ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định nội dung phối hợp, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị và hướng dẫn về trình tự, thủ tục thực hiện đầu tư theo hình thức đối tác công tư (sau đây gọi tắt là PPP) và dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh.

2. Quy chế này không hướng dẫn trình tự thực hiện¹ các dự án sau:

a) Dự án ứng dụng công nghệ cao.

b) Dự án PPP có sử dụng vốn ngân sách nhà nước; chuyển đổi từ dự án đầu tư công sang dự án PPP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện dự án PPP và dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp thực hiện

Việc triển khai thực hiện dự án PPP và dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh bảo đảm theo đúng quy định hiện hành của nhà nước và trình tự thực hiện tại Quy chế này.

Điều 4. Đơn vị đầu mối quản lý hoạt động PPP

Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh làm đầu mối quản lý về hoạt động PPP trên địa bàn tỉnh.

Điều 5. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết và thực hiện hợp đồng dự án

1. Ủy ban nhân dân tỉnh là cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết và thực hiện các quyền, nghĩa vụ quy định trong hợp đồng đối với dự án thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình hoặc dự án được Thủ tướng Chính phủ giao làm cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho cơ quan chuyên môn, cơ quan trực thuộc hoặc Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là UBND cấp huyện) thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị dự án bao gồm tổ chức lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi, tổ chức lựa chọn nhà đầu tư theo quy định.

¹ Trình tự thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 9; Điều 11; Mục 3, Chương III Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018.

3. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và điều kiện quản lý cụ thể Ủy ban nhân dân tỉnh có thể ủy quyền cho cơ quan chuyên môn hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện ký kết và thực hiện hợp đồng dự án nhóm B và nhóm C.

4. Việc ủy quyền theo quy định tại khoản 3 Điều này được thực hiện bằng văn bản, trong đó xác định cụ thể phạm vi, nội dung ủy quyền, trách nhiệm của cơ quan được ủy quyền ký kết và thực hiện hợp đồng dự án.

Chương II **CÁC BƯỚC THỰC HIỆN DỰ ÁN PPP**

Điều 6. Trình tự thực hiện

1. Trừ trường hợp dự án áp dụng loại hợp đồng BT thực hiện theo Điều 10 Quy chế này, dự án PPP được thực hiện theo trình tự sau đây:

- a) Lựa chọn sơ bộ dự án (lập danh mục dự án).
- b) Lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư và công bố dự án.
- c) Lập, thẩm định và phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi.
- d) Tổ chức lựa chọn nhà đầu tư.
- đ) Đàm phán, thành lập doanh nghiệp dự án (nếu có), ký kết hợp đồng dự án.
- e) Triển khai thực hiện dự án; quyết toán và chuyển giao công trình.

2. Dự án nhóm C không phải lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư theo điểm b, khoản 1 Điều này nhưng phải công bố dự án sau khi báo cáo nghiên cứu khả thi được duyệt.

3. Trường hợp cần thiết, căn cứ yêu cầu thực tế của dự án PPP, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư sau khi phê duyệt thiết kế kỹ thuật và dự toán đảm bảo tính cạnh tranh rộng rãi trong đấu thầu.

Điều 7. Dự án do đơn vị chuẩn bị dự án lập

1. Điều kiện lập và quyết định chủ trương đầu tư:

- a) Phù hợp với quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực; quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- b) Nhu cầu đầu tư phát triển của ngành và địa phương.
- c) Phù hợp với lĩnh vực đầu tư².
- d) Không trùng lặp với các dự án đã có quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư.
- đ) Có khả năng thu hồi vốn cho nhà đầu tư.
- e) Có báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.
- g) Đối với dự án chưa có trong quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực; quy hoạch kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét bổ sung theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

² Lĩnh vực đầu tư và phân loại dự án quy định tại Điều 4 Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 của Chính phủ.

2. Trình tự quyết định chủ trương đầu tư:

a) Đơn vị chuẩn bị dự án tổ chức lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi³ gửi Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh 04 bộ hồ sơ đề nghị thẩm định, đồng thời trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh 01 bộ hồ sơ. Hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi bao gồm:

- Tờ trình đề nghị thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi: Nội dung tờ trình bao gồm căn cứ pháp lý lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, thuyết minh nội dung chính của báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và các kiến nghị.

- Dự thảo báo cáo nghiên cứu tiền khả thi bao gồm phần thuyết minh và thiết kế sơ bộ theo quy định của pháp luật về xây dựng đối với dự án có cấu phần xây dựng, hoặc thiết kế sơ bộ theo quy định của pháp luật chuyên ngành đối với dự án không có cấu phần xây dựng.

- Ý kiến chấp thuận của người có thẩm quyền về việc lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi theo hình thức PPP.

- Các tài liệu, văn bản pháp lý có liên quan.

b) Đơn vị thẩm định tiếp nhận hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi của đơn vị chuẩn bị dự án từ Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh và tổ chức thẩm định theo quy định.

c) Đơn vị thẩm định tổ chức lấy ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị có liên quan đối với báo cáo nghiên cứu tiền khả thi theo phương thức lấy ý kiến bằng văn bản, trường hợp cần thiết có thể tổ chức họp thẩm định.

d) Đơn vị thẩm định lập báo cáo thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương đầu tư⁴.

3. Công bố dự án:

a) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư, đơn vị thẩm định hoặc đơn vị chuẩn bị dự án công bố dự án, danh mục dự án trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

b) Hồ sơ dự án được công bố bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên dự án và loại hợp đồng dự án.

- Mục tiêu, quy mô, địa điểm thực hiện dự án và dự án khác (đối với dự án áp dụng loại hợp đồng BT).

- Tóm tắt yêu cầu về kỹ thuật, tiêu chuẩn, chất lượng công trình dự án, sản phẩm hoặc dịch vụ cung cấp.

- Dự kiến tổng vốn đầu tư.

- Dự kiến tiến độ triển khai dự án bao gồm: Thời gian lập báo cáo nghiên cứu khả thi; thời gian tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư; thời gian xây dựng, hoàn thành và đưa công trình vào khai thác.

- Thông tin cập nhật về tình hình triển khai dự án.

- Địa chỉ liên hệ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc bên mời thầu.

³ Nội dung BCNCTKT: Điều 18 Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 của Chính phủ, trên cơ sở hướng dẫn tại phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 09/2018/TT-BKHĐT ngày 28/12/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

⁴ Quyết định chủ trương đầu tư: Đảm bảo đáp ứng đầy đủ các điều kiện và nội dung theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 của Chính phủ.

Điều 8. Dự án do nhà đầu tư đề xuất

1. Điều kiện lập và quyết định chủ trương đầu tư:

a) Nhà đầu tư được đề xuất dự án ngoài các dự án, danh mục dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và công bố theo Điều 7 Quy chế này.

b) Dự án do nhà đầu tư đề xuất phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Các điều kiện quy định tại khoản 1, Điều 7 Quy chế này.

- Nhà đầu tư là doanh nghiệp nhà nước phải liên danh với doanh nghiệp khác để đề xuất dự án nhưng phải bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Trình tự quyết định chủ trương đầu tư:

a) Trình tự quyết định chủ trương đầu tư thực hiện theo khoản 2, Điều 7 Quy chế này.

b) Hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi bao gồm:

- Văn bản đề xuất thực hiện dự án, nội dung bao gồm cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu hồ sơ đề xuất dự án không được chấp thuận.

- Tờ trình đề nghị thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi: Nội dung tờ trình bao gồm căn cứ pháp lý lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, thuyết minh nội dung chính của báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và các kiến nghị.

- Dự thảo báo cáo nghiên cứu tiền khả thi bao gồm phần thuyết minh và thiết kế sơ bộ theo quy định của pháp luật về xây dựng đối với dự án có cấu phần xây dựng, hoặc thiết kế sơ bộ theo pháp luật chuyên ngành đối với dự án không có cấu phần xây dựng. Báo cáo nghiên cứu khả thi⁵ đối với dự án nhóm C bao gồm phần thuyết minh và thiết kế cơ sở theo quy định của pháp luật về xây dựng đối với dự án có cấu phần xây dựng, hoặc thiết kế cơ sở theo quy định của pháp luật chuyên ngành đối với dự án không có cấu phần xây dựng

- Ý kiến chấp thuận của người có thẩm quyền về việc lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi theo hình thức PPP.

- Hồ sơ về tư cách pháp lý, năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư.

- Các tài liệu, văn bản pháp lý có liên quan cần thiết để giải trình hồ sơ đề xuất dự án.

c) Thời hạn thẩm định và phê duyệt chủ trương đầu tư đối với dự án do nhà đầu tư đề xuất:

- Đối với dự án nhóm A: Tối đa 50 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối với dự án nhóm B: Tối đa 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3. Công bố dự án:

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư, đơn vị thẩm định công bố dự án, danh mục dự án trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Điều 9. Lập, thẩm định và phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi

1. Ủy ban nhân dân tỉnh giao đơn vị chuẩn bị dự án tổ chức lập báo cáo nghiên cứu khả thi làm cơ sở để tổ chức lựa chọn nhà đầu tư.

⁵ Nội dung BCNCKT: Điều 29 Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 của Chính phủ, trên cơ sở hướng dẫn tại phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 09/2018/TT-BKHĐT ngày 28/12/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Đối với dự án do nhà đầu tư đề xuất và được phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhà đầu tư tổ chức lập báo cáo nghiên cứu khả thi được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận bằng văn bản giữa Ủy ban nhân dân tỉnh và nhà đầu tư. Văn bản thỏa thuận quy định mục đích; yêu cầu; chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi; chi phí thuê tư vấn độc lập thẩm định, thẩm tra và nguyên tắc xử lý trong trường hợp báo cáo nghiên cứu khả thi không được phê duyệt thì nhà đầu tư chịu mọi chi phí phát sinh và trường hợp nhà đầu tư khác trúng thầu thực hiện dự án thì nhà đầu tư đề xuất dự án sẽ được nhà đầu tư trúng thầu hoàn trả chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi.

3. Đơn vị chuẩn bị dự án hoặc nhà đầu tư giao nhiệm vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi gửi Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh 04 bộ hồ sơ đề nghị thẩm định, đồng thời trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh 01 bộ hồ sơ.

4. Hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi bao gồm:

a) Tờ trình đề nghị thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi: Nội dung tờ trình bao gồm căn cứ pháp lý lập báo cáo nghiên cứu khả thi, thuyết minh nội dung chính của báo cáo nghiên cứu khả thi và các kiến nghị.

b) Dự thảo báo cáo nghiên cứu khả thi bao gồm phần thuyết minh và thiết kế cơ sở theo quy định của pháp luật về xây dựng đối với dự án có cấu phần xây dựng, hoặc thiết kế cơ sở theo quy định của pháp luật chuyên ngành đối với dự án không có cấu phần xây dựng.

c) Văn bản thỏa thuận giữa Ủy ban nhân dân tỉnh với nhà đầu tư về việc giao nhà đầu tư lập báo cáo nghiên cứu khả thi (trường hợp nhà đầu tư đề xuất dự án).

d) Quyết định phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi (trừ dự án nhóm C); ý kiến chấp thuận của người có thẩm quyền về việc lập báo cáo nghiên cứu khả thi theo hình thức PPP đối với dự án nhóm C.

đ) Các tài liệu, văn bản pháp lý có liên quan.

5. Đơn vị thẩm định tiếp nhận hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi của đơn vị chuẩn bị dự án hoặc nhà đầu tư từ Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh và tổ chức thẩm định theo quy định tại các khoản 6, 7 và 8 Điều này.

6. Đơn vị thẩm định tổ chức lấy ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị có liên quan đối với báo cáo nghiên cứu khả thi theo phương thức lấy ý kiến bằng văn bản, trường hợp cần thiết có thể tổ chức họp thẩm định. Đơn vị thẩm định phải lấy ý kiến thẩm định về thiết kế cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo pháp luật xây dựng đối với dự án có cấu phần xây dựng, hoặc cơ quan chuyên môn theo quy định của pháp luật chuyên ngành đối với dự án không có cấu phần xây dựng.

7. Đơn vị thẩm định lập báo cáo thẩm định đối với báo cáo nghiên cứu khả thi kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi.

Thời hạn thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi:

a) Đối với dự án nhóm A: Tối đa 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Đối với dự án nhóm B, nhóm C: Tối đa 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

8. Đơn vị thẩm định có thể tuyển chọn tư vấn để thẩm định, thẩm tra một phần hoặc toàn bộ nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi.

9. Điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi: Dự án được xem xét điều chỉnh theo quy định pháp luật về PPP⁶.

Điều 10. Thực hiện dự án áp dụng loại hợp đồng BT

1. Trình tự thực hiện:

a) Lựa chọn sơ bộ dự án.

b) Lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư và công bố dự án theo quy định tại khoản 3, Điều 7 Quy chế này.

c) Dự án nhóm B áp dụng loại hợp đồng BT, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương đầu tư.

d) Lập, thẩm định và phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

đ) Lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế và dự toán theo quy định của pháp luật về xây dựng hoặc pháp luật chuyên ngành có liên quan.

e) Tổ chức lựa chọn nhà đầu tư, đàm phán và ký kết hợp đồng dự án theo quy định⁷ của Chính phủ.

g) Triển khai xây dựng công trình dự án; quyết toán và chuyển giao công trình theo quy định⁸ của Chính phủ.

2. Trách nhiệm lập thiết kế và dự toán:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh giao đơn vị chuẩn bị dự án tổ chức lập thiết kế và dự toán.

b) Đối với dự án do nhà đầu tư đề xuất và được phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhà đầu tư tổ chức lập thiết kế và dự toán được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận bằng văn bản giữa Ủy ban nhân dân tỉnh và nhà đầu tư. Văn bản thỏa thuận quy định mục đích, yêu cầu, chi phí lập thiết kế, chi phí thuê tư vấn độc lập thẩm tra và nguyên tắc xử lý trong trường hợp nhà đầu tư khác trúng thầu thực hiện dự án thì nhà đầu tư đề xuất dự án sẽ được nhà đầu tư trúng thầu hoàn trả các chi phí.

3. Thẩm định, phê duyệt thiết kế dự toán:

a) Cơ quan chuyên môn về xây dựng theo pháp luật về xây dựng hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định theo pháp luật chuyên ngành thẩm định thiết kế và dự toán.

b) Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc cơ quan được ủy quyền ký kết và thực hiện hợp đồng phê duyệt thiết kế và dự toán.

4. Đối với quỹ đất thanh toán dự án BT:

a) Việc sử dụng giá trị quyền sử dụng đất để thanh toán cho nhà đầu tư⁹ khi thực hiện dự án BT được thực hiện theo nguyên tắc ngang giá. Giá trị dự án BT được xác định theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về xây dựng và pháp luật có liên quan; giá trị tài sản công được xác định theo giá thị trường tại thời điểm thanh toán theo quy định của pháp luật.

⁶ BCNCKT được xem xét điều chỉnh theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 của Chính phủ.

⁷ Quy định tại Chương VI Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 của Chính phủ.

⁸ Chương VII và Chương VIII Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 của Chính phủ.

⁹ Điều 117 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

b) Căn cứ giá trị quyết toán hợp đồng BT và giá trị quỹ đất thanh toán thực tế, các bên ký kết hợp đồng BT thực hiện xác định số chênh lệch giữa giá trị quyết toán hợp đồng BT với giá trị quỹ đất thanh toán thực tế; ký kết phụ lục hợp đồng BT ghi số chênh lệch để thực hiện thanh toán bù trừ, cụ thể như sau:

- Trường hợp giá trị quỹ đất thanh toán lớn hơn giá trị quyết toán hợp đồng BT thì nhà đầu tư phải nộp số chênh lệch bằng tiền vào ngân sách nhà nước.

- Trường hợp giá trị quỹ đất thanh toán thực tế nhỏ hơn giá trị quyết toán hợp đồng BT thì nhà nước thanh toán số chênh lệch bằng tiền cho nhà đầu tư.

- Trường hợp nhà nước chưa bố trí được ngân sách để thanh toán thì có thể thỏa thuận với nhà đầu tư để thanh toán số chênh lệch bằng quỹ đất khác theo quy định của pháp luật.

c) Diện tích đất của quỹ đất thanh toán dự án BT tương ứng với phần nghĩa vụ tài chính đã hoàn thành làm căn cứ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho nhà đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật, bao gồm:

- Phần diện tích đất của quỹ đất thanh toán dự án BT tương ứng với phần giá trị dự án BT hoàn thành theo tiến độ do Sở quản lý chuyên ngành dự án BT chủ trì xác định theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng.

- Phần diện tích đất của quỹ đất thanh toán dự án BT tương ứng với phần nghĩa vụ tài chính đã hoàn thành của phần giá trị chênh lệch mà nhà đầu tư đã nộp vào ngân sách nhà nước.

d) Trước khi ký kết hợp đồng giữa các bên, cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư cùng với các Sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan tổ chức xác định lại giá trị quỹ đất dự kiến thanh toán dự án BT, nhằm sắp xếp các phương án giao đất đối ứng theo nguyên tắc ngang giá, không để giá đất được tính ở mức thấp so với thời điểm ký kết hợp đồng, nhà đầu tư thêm được nhiều khu đất, quỹ đất đối ứng lớn hơn thực tế nhiều lần, sẽ dẫn đến thất thoát tài sản nhà nước.

đ) Các dự án BT được Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền ký hợp đồng. Tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 3, Điều 5 Quy chế này định kỳ ký kết hợp đồng BT tiến hành xác nhận khối lượng và giá trị dự án BT hoàn thành theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng. Thời gian định kỳ xác nhận khối lượng và giá trị dự án BT hoàn thành do các Bên ký kết hợp đồng BT quy định tại hợp đồng BT.

e) Thời điểm và tiến độ bàn giao quỹ đất thanh toán dự án BT sẽ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư xác định trong quá trình đàm phán hợp đồng, trên cơ sở tiến độ thực hiện dự kiến của dự án.

Điều 11. Yêu cầu và điều kiện triển khai dự án

1. Tổ chức, đơn vị theo khoản 2, Điều 5 Quy chế này phải có báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi đối với dự án nhóm C đã được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư, Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án nhóm B áp dụng loại hợp đồng BT.

2. Nhà đầu tư được Ủy ban nhân dân tỉnh giao lập Báo cáo nghiên cứu khả thi.

3. Giá trị nộp ngân sách nhà nước áp dụng đối với phương pháp lợi ích xã hội, lợi ích nhà nước thực hiện dự án PPP loại hợp đồng BT tối thiểu là 1% trên tổng mức đầu tư.

4. Đối với các loại hợp đồng khác dự án PPP, tùy từng loại hợp đồng khác nhau có thể đề nghị giá trị nộp ngân sách nhà nước khác nhau, đảm bảo hài hòa lợi ích nhà nước và lợi ích của nhà đầu tư theo nguyên tắc cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế.

Điều 12. Lựa chọn nhà đầu tư

1. Việc lựa chọn nhà đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Nhà đầu tư được hưởng ưu đãi trong quá trình đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư khi có báo cáo nghiên cứu khả thi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 13. Ký kết hợp đồng dự án

Căn cứ quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư và kết quả đàm phán, hoàn thiện hợp đồng, cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức việc ký kết hợp đồng dự án theo một trong các hình thức sau đây:

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư ký kết hợp đồng dự án. Trong trường hợp này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nhà đầu tư và doanh nghiệp dự án (nếu có) ký kết văn bản về việc cho phép doanh nghiệp dự án tiếp nhận và thực hiện các quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư quy định tại hợp đồng dự án. Văn bản này là một bộ phận không tách rời của hợp đồng dự án.

2. Nhà đầu tư và doanh nghiệp dự án hợp thành một bên để ký kết hợp đồng dự án với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 14. Nội dung hợp đồng dự án và công khai thông tin hợp đồng dự án

1. Nội dung hợp đồng¹⁰ theo quy định của pháp luật.

2. Công khai thông tin hợp đồng:

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày ký kết hợp đồng dự án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm công khai thông tin hợp đồng dự án¹¹ trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Chương III

QUY ĐỊNH MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ QUẢN LÝ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN CÓ SỬ DỤNG ĐẤT

Điều 15. Lập và công bố danh mục dự án có sử dụng đất

1. Định kỳ 6 tháng, các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện tiến hành lập danh mục dự án có sử dụng đất, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư (ưu tiên lựa chọn các dự án đã có quy hoạch xây dựng chi tiết 1/500).

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp các đề xuất dự án có sử dụng đất đã bảo đảm điều kiện theo quy định trình Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và quyết định danh mục các dự án. Căn cứ danh mục dự án có sử dụng đất được phê duyệt, Sở Kế hoạch và Đầu tư công bố công khai thông tin theo quy định của pháp luật.

3. Công bố danh mục dự án: Sở Kế hoạch và Đầu tư công bố danh mục dự án không chậm hơn 7 ngày làm việc, kể từ ngày danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất

¹⁰ Quy định tại Điều 40 Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 của Chính phủ, trên cơ sở hướng dẫn tại phụ lục V.a; V.b ban hành kèm theo Thông tư số 09/2018/TT-BKHĐT ngày 28/12/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

¹¹ Khoản 2, Điều 41 Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 của Chính phủ.

được phê duyệt theo quy định¹²

Điều 16. Lập phương án sơ bộ bồi thường, giải phóng mặt bằng

Căn cứ danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất được phê duyệt, Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân cấp huyện phối hợp với các đơn vị, tổ chức có liên quan để lập phương án sơ bộ về bồi thường, giải phóng mặt bằng và hoàn thành các thủ tục giao đất, cho thuê đất để làm cơ sở lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu lựa chọn nhà đầu tư. Việc xác định tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng căn cứ vào giá đất cụ thể được xác định trên cơ sở bản giá đất và hệ số điều chỉnh giá đất công bố theo quy định của pháp luật về đất đai tại thời điểm gần nhất.

Điều 17. Xác định giá trị nộp ngân sách nhà nước tối thiểu (m3)

Nhằm tạo điều kiện thu hút đầu tư, đảm bảo hài hòa lợi ích nhà nước và lợi ích của nhà đầu tư; trước mắt thống nhất chủ trương xác định giá trị nộp ngân sách nhà nước (m3) trong hồ sơ mời thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất tỷ lệ là 01% (*Một phần trăm*) trên tổng mức đầu tư của dự án. Khi có hướng dẫn cụ thể của Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương, bên mời thầu sẽ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh cho phù hợp với quy định.

Điều 18. Bảo đảm thực hiện hợp đồng, thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất

1. Trước khi ký kết hợp đồng dự án, nhà đầu tư trúng thầu phải cung cấp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định với giá trị bằng 3% tổng mức đầu tư dự án. Thời hạn cung cấp bảo đảm thực hiện hợp đồng tối đa 10 ngày kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư.

2. Trong vòng 05 ngày kể từ ngày phê duyệt phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, cơ quan phê duyệt phương án gửi thông báo bằng văn bản đến nhà đầu tư và đảm bảo nhà đầu tư phải nhận được thông báo này. Nội dung thông báo phải ghi rõ số tiền nhà đầu tư phải nộp. Trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, nhà đầu tư phải nộp đủ số tiền theo yêu cầu tại thông báo về đơn vị làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng. Quá thời hạn trên, nhà đầu tư không nộp đủ số tiền theo thông báo sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật và hợp đồng đã ký.

3. Tại thời điểm có quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, căn cứ diện tích đất giao, đất cho thuê, phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của Sở Tài nguyên và Môi trường, quyết định trúng thầu và các nghĩa vụ tài chính khác nhà đầu tư đã thực hiện, cơ quan thuế tính toán giá trị tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thông báo cho nhà đầu tư.

4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký thông báo của cơ quan thuế, nhà đầu tư phải nộp 50% tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo thông báo. Trong vòng 60 ngày tiếp theo, nhà đầu tư phải nộp 50% số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất còn lại. Quá thời hạn trên, nhà đầu tư không nộp đủ số tiền theo thông báo sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

¹² Khoản 2, Điều 10 Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015 của Chính phủ.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐẦU TƯ THEO HÌNH THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ

Điều 19. Trách nhiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và các tổ chức, đơn vị được lấy ý kiến phải có ý kiến góp ý bằng văn bản thể hiện rõ chính kiến những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của đơn vị mình và gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định, các đơn vị, tổ chức không có ý kiến xem như thống nhất các nội dung hồ sơ dự án và chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xảy ra vi phạm pháp luật (nếu có) hoặc có khiếu nại, tố cáo nội dung liên quan đến ngành, lĩnh vực, cơ quan, đơn vị mình phụ trách quản lý.

2. Thực hiện quản lý nhà nước về đầu tư theo hình thức PPP trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.

3. Xây dựng, công bố và thực hiện dự án thuộc phạm vi quản lý.

4. Tham gia ý kiến về các vấn đề thuộc chức năng, thẩm quyền theo yêu cầu của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì, phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án; có ý kiến về nhu cầu đầu tư, sự cần thiết đầu tư, kế hoạch sử dụng đất địa phương; phương án giải phóng mặt bằng, ý kiến về quy hoạch có liên quan.

6. Đảm bảo tính tuân thủ theo quy định của pháp luật đối với nội dung báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt và hợp đồng dự án đã ký kết; chịu trách nhiệm pháp lý đối với nội dung hợp đồng dự án đã ký kết.

7. Tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện dự án thuộc phạm vi quản lý của đơn vị.

8. Thực hiện việc công khai các thông tin cơ bản của hợp đồng dự án trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

9. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Trách nhiệm Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý hoạt động đầu tư PPP trên địa bàn tỉnh và dự án đầu tư có sử dụng đất.

2. Chịu trách nhiệm lập dự toán chi phí thuê tư vấn thẩm định, thẩm tra một phần hoặc toàn bộ nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi. Chi phí này do đơn vị chuẩn bị dự án ứng trước và sẽ được hạch toán vào dự án đầu tư được duyệt. Chi phí tư vấn thẩm định hoặc thẩm tra được xác định trong chi phí tư vấn đầu tư xây dựng theo quy định pháp luật.

3. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị có liên quan tổng hợp đề xuất các dự án PPP và dự án có sử dụng đất từ các cơ quan chuẩn bị dự án, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt, công bố công khai danh mục dự án theo quy định pháp luật.

4. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị có liên quan giám sát, kiểm tra, thanh tra và tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện các dự án PPP và dự án có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh.

5. Chủ trì, phối hợp tổ chức đào tạo, tăng cường năng lực thực hiện các dự án PPP và dự án có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh.

6. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Trách nhiệm Sở Tài chính

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xác định giá trị tài sản công tham gia trong dự án PPP; thực hiện phần Nhà nước tham gia trong dự án PPP; phương án tài chính của dự án; quyết toán công trình dự án và các vấn đề có liên quan khác thuộc thẩm quyền quản lý.

2. Hướng dẫn lập kế hoạch đối với phần vốn thanh toán cho nhà đầu tư sử dụng nguồn chi thường xuyên và nguồn thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ công.

3. Tham gia ý kiến về các biện pháp bảo đảm đầu tư và ưu đãi đầu tư đối với dự án.

4. Tham gia ý kiến về các vấn đề thuộc chức năng, thẩm quyền theo đề nghị của Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

5. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Trách nhiệm Sở Xây dựng

1. Chủ trì hướng dẫn thực hiện quy định về giám sát, quản lý chất lượng công trình dự án và định mức chi phí hoạt động của đơn vị quản lý dự án.

2. Là cơ quan chuẩn bị dự án và chủ trì lấy ý kiến, thẩm định thiết kế sơ bộ, thiết kế và dự toán, suất đầu tư đối với công trình dân dụng, công trình công nghiệp nhẹ, công trình công nghiệp vật liệu xây dựng, công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình giao thông trong đô thị (trừ công trình cầu vượt sông, đường quốc lộ qua đô thị); thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch 1/2000, quy hoạch 1/500 (nếu có) hoặc thỏa thuận tổng mặt bằng của khu đất thanh toán nhà đầu tư làm cơ sở cho việc xác định giá trị khu đất thanh toán hợp đồng BT.

3. Tham gia ý kiến về các vấn đề thuộc chức năng, thẩm quyền theo yêu cầu của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Trách nhiệm Sở Giao thông vận tải

1. Là cơ quan chuẩn bị dự án và chủ trì lấy ý kiến, thẩm định thiết kế sơ bộ, thiết kế và dự toán, suất đầu tư đối với các công trình giao thông (trừ công trình do Sở Xây dựng thẩm định theo khoản 2 Điều 23 Quy chế này).

2. Tham gia ý kiến về các vấn đề thuộc chức năng, thẩm quyền theo yêu cầu của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Trách nhiệm Sở Công Thương

1. Là cơ quan chuẩn bị dự án và chủ trì lấy ý kiến, thẩm định thiết kế sơ bộ, thiết kế và dự toán, suất đầu tư đối với các công trình nhà máy điện, đường dây tải điện và các công trình công nghiệp chuyên ngành.

2. Tham gia ý kiến về các vấn đề thuộc chức năng, thẩm quyền theo yêu cầu của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Trách nhiệm Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Là cơ quan chuẩn bị dự án và chủ trì lấy ý kiến, thẩm định thiết kế sơ bộ, thiết kế và dự toán, suất đầu tư đối với các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; dịch vụ phát triển liên kết sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.
2. Tham gia ý kiến về các vấn đề thuộc chức năng, thẩm quyền theo yêu cầu của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện.
3. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Trách nhiệm Sở Thông tin và Truyền thông

1. Là cơ quan chuẩn bị dự án và chủ trì lấy ý kiến, thẩm định thiết kế sơ bộ, thiết kế và dự toán, suất đầu tư đối với các công trình khu công nghệ thông tin tập trung, ứng dụng công nghệ thông tin.
2. Tham gia ý kiến về các vấn đề thuộc chức năng, thẩm quyền theo yêu cầu của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện.
3. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Trách nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Chủ trì, phối hợp với Tổ chức, đơn vị theo khoản 2, Điều 5 Quy chế này báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy mô, công suất, dây chuyền công nghệ chất thải của các dự án xử lý rác thải; thẩm định phương án sơ bộ về giải phóng mặt bằng do đơn vị có chức năng lập (nếu có) đối với dự án thực hiện theo loại hợp đồng BT.
2. Tham gia ý kiến các vấn đề liên quan đến quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, nguồn gốc đất với quỹ đất đã giải phóng mặt bằng hoặc chưa giải phóng mặt bằng thực hiện các dự án PPP và dự án có sử dụng đất; quỹ đất thanh toán đối với dự án áp dụng loại hợp đồng BT; xác định và chịu trách nhiệm về giá trị quyền sử dụng đất để thanh toán cho nhà đầu tư làm cơ sở thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi.
3. Tham gia, phối hợp với Tổ chức, đơn vị theo khoản 2, Điều 5 Quy chế này tổ chức xác định lại giá trị quyền sử dụng đất thanh toán dự án BT trước khi các bên ký kết hợp đồng, nhằm sắp xếp các phương án giao đất đối ứng theo nguyên tắc ngang giá, không để giá đất được tính ở mức thấp so với giá thị trường tại thời điểm ký kết hợp đồng.
4. Chủ trì, phối hợp với Tổ chức, đơn vị theo khoản 2, Điều 5 Quy chế này tổ chức bàn giao đất ngoài thực địa sau khi có Quyết định giao đất, cho thuê đất cho nhà đầu tư; thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho nhà đầu theo quy định của pháp luật đất đai.
5. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Trách nhiệm Sở Tư pháp

1. Tham gia góp ý về mặt pháp lý đối với hợp đồng dự án và các văn bản liên quan đến dự án do cơ quan nhà nước ký kết.
2. Tham gia đàm phán về các vấn đề có liên quan đến luật áp dụng, giải quyết tranh chấp, các vấn đề pháp lý khác của hợp đồng dự án và các hợp đồng liên quan theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh và các Sở, ban, ngành.
3. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Trách nhiệm của nhà đầu tư

1. Phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoàn chỉnh hồ sơ đề xuất dự án, bao gồm báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi đối với dự án nhóm C (trường hợp dự án do nhà đầu tư đề xuất).

2. Thực hiện các nhiệm vụ theo thỏa thuận bằng văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao cho nhà đầu tư tổ chức lập báo cáo nghiên cứu khả thi, lập thiết kế và dự toán đối với dự án áp dụng loại hợp đồng BT.

3. Chịu trách nhiệm về chất lượng công trình, dịch vụ của dự án; tự giám sát, quản lý hoặc thuê tổ chức tư vấn độc lập để quản lý, giám sát thi công xây dựng, nghiệm thu các hạng mục và toàn bộ công trình theo thiết kế, phương án kinh doanh quy định tại hợp đồng dự án.

4. Ban hành quy chế lựa chọn nhà thầu tư vấn, cung cấp hàng hóa, xây lắp và nhà thầu khác trên cơ sở bảo đảm theo nguyên tắc cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả.

5. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 30. Quy định chuyển tiếp

1. Dự án đã được phê duyệt đề xuất dự án trước ngày 19 tháng 6 năm 2018 thì không phải thực hiện trình tự quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 của Chính phủ.

2. Báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt trước ngày 19 tháng 6 năm 2018 thì không phải phê duyệt lại theo quy định của Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 của Chính phủ.

3. Dự án đã có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư hoặc thỏa thuận đầu tư được ký kết trước ngày 19 tháng 6 năm 2018. Các bên tiến hành đàm phán và ký kết hợp đồng theo quy định của Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 của Chính phủ.

4. Dự án đã có cam kết hoặc chấp thuận bằng văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh về ưu đãi, bảo đảm đầu tư và các nội dung khác liên quan đến thực hiện dự án trước ngày 19 tháng 6 năm 2018 được tiếp tục thực hiện theo các văn bản đó.

5. Đối với các dự án BT đã hoàn thành việc lựa chọn nhà đầu tư theo đúng quy định của pháp luật trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành nhưng chưa ký kết hợp đồng, cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành đàm phán, ký kết hợp đồng đảm bảo tuân thủ Luật quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đất đai, pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 31. Tổ chức thực hiện

1. Yêu cầu các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện (cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các dự án BT) và nhà đầu tư các dự án BT chịu trách nhiệm rà soát lại các dự án đã phê duyệt chưa ký kết hợp đồng, hoặc hợp đồng đã ký kết và đang thực hiện, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với các sai phạm (nếu có); đảm bảo công khai, minh bạch, đúng quy định của pháp luật. Trường hợp phát hiện có nội dung trái với quy định hiện hành, không phù hợp với thực tế hiện nay nhưng chưa gây thất

thoát tài sản nhà nước thì phải điều chỉnh lại dự án hoặc điều chỉnh lại hợp đồng BT phù hợp với quy định tại Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/05/2018 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư và pháp luật có liên quan.

2. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các tổ chức, đơn vị và nhà đầu tư có liên quan trong phạm vi chức năng và quyền hạn của mình có trách nhiệm hướng dẫn và thi hành Quy chế này.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị kịp thời gửi báo cáo về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Trâm